TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-PT
Ngày 13 - 3 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1957 (có mặt)

2. Bà Trương Thị N, sinh năm 1957 (có mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp P3, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trương Thị N: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp P3, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984

2. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1987

3. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1989

4. Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1991

Cùng cư trú tại: Ấp P3, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn X, anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn N1: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp P3, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

5. Chị Nguyễn Kim C, sinh năm 1988

6. Chị Trần Ý D, sinh năm 1986

7. Anh Phan Văn X1, sinh năm 1992

8. Chị Nguyễn Kim L, sinh năm 1990

9. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1986

Cùng cư trú tại: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Kim L, anh Phan Văn X1, chị Trần Ý D: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

10. Chị Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Ngọc C1: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp P3, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

11. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp Ninh Lợi, xã Ninh Quới, huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị T2: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp P3, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

12. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu; trụ sở: Ấp Hành Chính, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha ruột ông P tên Nguyễn Văn B tự khai phá với diện tích 5.800m^2, sau đó

ông B cho lại ông Nguyễn Văn L1 mượn toàn bộ diện tích để canh tác. Sau giải phóng (năm 1975) ông B có đến gặp ông L1 để đòi lại phần đất trên thì ông L1 đồng ý trả cho ông B, sau đó ông B mới cho lại ông P toàn bộ phần diện tích đất, ông P đã đi kê khai đăng ký và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng lúc đó là vào năm 1990 thì ông P thấy ông Nguyễn Văn T3 là cha của ông R đang canh tác trên phần đất này nên ông mới đòi lại, chính quyền giải quyết thì ông T3 có trả cho ông được phần đất diện tích là 1.532m^2 hiện nay ông đang quản lý và sử dụng. Phần đất còn lại có diện tích 4.268m^2 hiện nay con của ông T3 là ông R đang quản lý và sử dụng. Ông P xác định hiện nay vợ ông là bà Nguyễn Thị B đã chết vào năm 2014. Nay ông P yêu cầu ông Nguyễn Văn R và bà Trương Thị N cùng có nghĩa vụ trả cho ông diện tích đất qua đo đạc thực tế là 4.566,4m^2 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông R đối với đất đang tranh chấp.

Bị đơn ông Nguyễn Văn R, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trương Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn X, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Ngọc C1 và chị Nguyễn Thị T2 trình bày: Ông R nghe nói lại nguồn gốc đất tranh chấp này là của ông Nguyễn Văn B là cha của ông P tự khai phá, sau đó ông B mới cho phần đất này lại cho ông Nguyễn Văn L1 quê ở tỉnh Vĩnh Long xuống địa phương lập nghiệp, trước khi ông L1 quay về tỉnh Vĩnh Long ở thì ông L1 mới cho toàn bộ phần diện tích đất này lại cho cha ruột ông là ông Nguyễn Văn T3, chỉ cho miệng không O làm giấy tờ. Đến năm 1978, ông T3 mới cho vợ chồng ông toàn bộ diện tích đất này, vợ chồng ông đã canh tác, quản lý và sử dụng; quá trình sử dụng ông đã kê khai và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.400m^2 tại thửa 407 tờ bản đồ số 01, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông do ông đang quản lý, ông không O thế chấp để vay vốn của Ngân hàng nào. Nay ông không đồng ý đối với yêu cầu của ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn G đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Kim C, Nguyễn Ý Diễm, anh Phan Văn X1, chị Nguyễn Kim L trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông P, không O yêu cầu nào khác.

Từ những phân tích trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P đòi ông R và bà N trả phần đất có kích thước và định vị như sau:

Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn P, cạnh dài 205,5m

Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Q, cạnh dài 204,9m

Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn V, cạnh dài 21m

Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn P đang sử dụng, cạnh dài 23,5m.

Tổng diện tích đất tranh chấp là 4.566,4 m^2 nằm trong thửa số 407, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp 3A, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Văn R đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông P đòi hủy 1 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông R đứng tên ở một phần thửa số 407, tờ bản đồ số 01 đối với phần đất tranh chấp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá, án phí, Luật thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ án án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn P yêu cầu ông Nguyễn Văn R và bà Trương Thị N trả lại diện tích đất qua đo đạc thực tế 4.566,4m^2 tại thửa 0407, tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại ấp P3, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn R đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông R đối với diện tích tranh chấp. Phần đất trên hiện nay ông R đang quản lý.

[2] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp ông P và ông R thống nhất xác định là của ông Nguyễn Văn B (cha của ông Nguyễn Văn P) khai phá, sau đó ông B cho lại ông Nguyễn Văn L1 (quê ở Vĩnh Long) canh tác. Theo nguyên đơn ông P xác định sau năm 1975, khi ông L1 không canh tác nữa thì ông B có đòi lại đất diện tích 5.800m^2, sau đó ông B cho ông phần đất trên. Đến năm 1990, ông P được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 5.800m^2 tại thửa số 15 tờ bản đồ số 5. Cùng thời điểm năm 1990, ông P thấy ông Nguyễn Văn T3 (cha của ông R) canh tác trên phần đất này nên ông O yêu cầu trả đất thì ông T3 có trả lại cho ông phần đất có diện tích 1.532m^2 hiện nay ông đang quản lý và sử dụng. Phần diện tích còn lại theo đo đạc thực tế 4.566,4m^2 hiện nay ông R đang quản lý và sử dụng. Nay, ông P yêu cầu ông R và bà N trả lại toàn bộ diện tích đất trên.

[3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, tại Tòa án cấp sơ thẩm ông P có yêu cầu xác minh một số người làm chứng: Ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn O, ông Lê Văn B. Tuy nhiên, tại các biên bản lấy lời khai (bút lục 81-83), ông O, ông L2 và ông B xác định biết về nguồn gốc đất tranh chấp là do nghe nói lại chứ không trực tiếp chứng kiến.

[4] Phần đất tranh chấp ông P cho rằng ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A446978 theo Quyết định số 510/QĐUB ngày 05/6/1990 của Ủy ban nhân dân huyện D tại thửa số 15 tờ bản đồ số 5 (bản đồ 299). Tuy nhiên, phần đất tại thửa số 15 tờ bản đồ số 5 (bản đồ 299) thì ông P đã được cấp đổi quyền sử dụng đất vào ngày 30/6/2009 theo dự án 323 thuộc thửa 709 tờ bản đồ số 6. Còn phần đất của ông R bà N tại thửa 407 tờ bản đồ số 01 được cấp đổi thành 02 thửa 650 và 715 tờ bản đồ số 6. Đồng thời, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông R đối với phần đất tranh chấp vẫn còn giá trị theo quy định của pháp luật (chưa bị thu hồi) theo Công văn số 1349/UBND ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P (bút lục số 142). Từ thời điểm ông R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông P cũng không O khiếu gì vì cùng năm 1990, ông P cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ trước đến nay gia đình ông P hoàn toàn không O sử dụng đất mà đất do ông L1 sử dụng, sau đó lần lượt đến ông T3 (cha ông R sử dụng) và hiện nay do ông R sử dụng. Do đó, không O cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông P.

[6] Từ những phân tích trên, không O căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn P, có căn cứ chấp nhận đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn P phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 97, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 99 và 100 của Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 06 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đòi ông Nguyễn Văn R và bà Trương Thị N trả phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 4.566,4m^2 nằm trong thửa số 407, tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc ấp P3, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Văn R đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất có vị trí và số đo như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn P, cạnh dài 205,5m

- Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Q, cạnh dài 204,9m

- Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn V, cạnh dài 21m

- Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn P đang sử dụng, cạnh dài 23,5m.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn P đòi hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn R đứng tên tại thửa số 407, tờ bản đồ số 01 đối với phần đất tranh chấp.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông Nguyễn Văn P chịu 600.000 đồng, ông Nguyễn Văn P đã nộp tạm ứng 1.000.000 đồng được đối trừ, ông P được hoàn lại 400.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện P.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn P chịu 200.000 đồng. Ông P (do Nguyễn Văn G nộp thay) đã nộp tạm ứng án phí 4.117.000 đồng theo Biên lai thu số 0002980 ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí, ông P được hoàn lại số tiền 3.917.000 đồng.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn P chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn P đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0014299 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự P được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều